

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

AMONI CLORUA		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
Số CAS: 12125-02-9 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Amoni clorua		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: muối lạnh			
- Tên khác: Ammonium Chloride			
- Xuất xứ: Trung Quốc		Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup	
- Mục đích sử dụng: dùng trong sản xuất công nghiệp dệt nhuộm, xi mạ tẩy rửa, xử lý nước thải,...		Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Amoni clorua	12125-02-9	NH ₄ CL	>99%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Có hại nếu nuốt phải			
2. Cảnh báo nguy hiểm - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: Không gây cháy nổ ở điều kiện bình thường, trừ gặp phải các tác nhân gây cháy....			

- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh;
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong môi trường thông thoáng, mát mẻ, đóng chặt bao chứa, khóa kho cẩn thận.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt; Khó chịu
- Đường thở: Có hại nếu nuốt phải. Chất liệu là kích thích niêm mạc và đường hô hấp trên.
- Đường da: Hơi khó chịu
- Đường tiêu hóa: Có hại nếu nuốt phải.
- Đường tiết sữa.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Đảm bảo xả nước đầy đủ bằng cách tách mí mắt với những ngón tay. Gọi một bác sĩ chữa trị kịp thời.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Cởi quần áo bị ô nhiễm. Rửa sạch da bằng xà phòng và phong phú lượng nước.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Nếu nuốt phải, rửa miệng với nước, người cung cấp có ý thức. Tham khảo ý kiến một bác sĩ. Nếu hít vào, loại bỏ không khí trong lành. Nếu hơi thở trở nên khó khăn, hãy gọi bác sĩ.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sĩ. Không kích ứng gây nôn. Nếu nạn nhân nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): Thận trọng trong việc điều trị nạn nhân...

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Sản phẩm phân hủy dễ cháy (tức là NH₃) Không xem là một nguy cơ cháy nổ.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Có thể gây ra khói độc hại như ammonia và hydrogen chloride, khi sản phẩm được tham gia trong lửa
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác :** - Bột chống cháy, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa. Giải tán những người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực có hỏa hoạn.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Mặc bộ máy hô hấp khép kín và quần áo bảo vệ để ngăn ngừa tiếp xúc với da và quần áo.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Thông gió cho khu vực bị rò rỉ hay tràn lan. Làm sạch một cách không phân tán bụi vào không khí.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (≤ 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi

sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cần bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Hủy bỏ đồ vật liệu khô. Nơi thích hợp cho vào container xử lý. Tránh bụi. Thông gió và rửa khu vực tràn dầu. Mặc phù hợp quần áo bảo hộ. Sử dụng găng tay cao su và bảo vệ mắt / mặt.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Sử dụng với hệ thống thông gió đầy đủ. Giữ container đóng cửa. Hút ẩm cất giữ ở nhiệt độ phòng. Không lưu trữ với các tác nhân oxy hóa, nitrit, nitrat
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): Thủy tinh hoặc hộp nhựa.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...): An toàn vòi hoa sen và bồn tắm mát. Cơ khí thải. Không ăn, uống và / hoặc hút thuốc trong khi làm việc. Rửa sau khi xử lý
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
- Bảo vệ mắt: Sử dụng bảo vệ mắt / mặt
 - Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ.
 - Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay cao su.
 - Bảo vệ chân: Đi ủng cao su để bảo vệ.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): An toàn vòi hoa sen và bồn tắm mát. Cơ khí thải.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Dạng bột tinh thể.	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): 520 $^{\circ}\text{C}$
Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): phân hủy nhiệt > 335 $^{\circ}\text{C}$ (hình thành của NH_3 và HCl)
Mùi đặc trưng: không có mùi.	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$)
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước: 374 g / l nước (20 $^{\circ}\text{C}$)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH : 5,0 - 6,5 (100 g / l, 25 $^{\circ}\text{C}$)	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1,53 g / cm^3	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Ammonia, Hydrogen Chloride, Oxit Nito

- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh):

- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): Alkalies mạnh mẽ, tác nhân oxy hóa rất mạnh, nitrit.

- Phản ứng trùng hợp: Không có xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Amoni clorua	LD 50	1410 mg /kg, (Con chuột): 1300 mg / kg	Có thể gây kích ứng đường hô hấp khi hít vào, Ngứa mắt Khó chịu Gây kích ứng da. Có thể có hại nếu được hấp thụ qua da	Chuột, thỏ...

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không có

2. Các ảnh hưởng độc khác: Hamster nguyên bào sợi, 400 mg / l: cytogenic phân tích

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Amoni clorua	Cá	Chưa có thông tin	LC50(Cá, Cyprinus carpio, 96 giờ): 209 mg /l EC50(Bobomagna, 48 giờ) :> 100 mg / l

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không phù hợp (chất vô cơ không phân hủy)

- Chỉ số BOD và COD

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin

- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Có không EC Quy chế thống nhất cho việc xử lý hóa chất hoặc dư lượng. Dư lượng hóa chất nói chung tính là chất thải đặc biệt. Việc xử lý sau này được quy định trong các nước thành viên EC thông qua tương ứng pháp luật và quy định. Chúng tôi khuyên bạn nên liên hệ hoặc cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm xử lý chất thải đã được phê duyệt công ty sẽ tư vấn cho bạn làm thế nào để xử lý chất thải đặc biệt

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy: Xử lý theo quy định chính thức. Xử lý bao bì bị ô nhiễm trong cùng một cách như là chất của chính nó. Nếu không chính thức quy định khác nhau, bao bì không bị ô nhiễm có thể được điều trị như hộ gia đình chất thải hoặc tái chế.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số U N	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	-	Amoni clorua	Không nguy hại cho vận tải đường bộ Không nguy hại cho vận tải biển Không nguy hại cho vận tải hàng không	25 Kg / bao	Amoni clorua	Trách nhiệm của người nhận phải có kiến thức về các quy định quốc gia và địa phương
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): WGK (Đức)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: R22: Độc hại nếu nuốt phải.

R36: Dị ứng cho mắt Cùm từ an toàn

S22: Đừng hít phải bụi

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

Hướng dẫn bổ sung:

1. Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”.
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ: một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương ứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể, rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định; ví dụ: thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH...”.
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi làm lượng thành phần

Không bắt buộc ghi chính xác hàm lượng thành phần, chỉ cần ghi khoảng nồng độ của thành phần theo quy tắc sau:

- a) Từ 0.1 đến 1 phần trăm;
- b) Từ 0.5 đến 1,5 phần trăm;
- c) Từ 1 đến 5 phần trăm;
- d) Từ 3 đến 7 phần trăm;
- đ) Từ 5 đến 10 phần trăm;
- e) Từ 7 đến 13 phần trăm;
- g) Từ 10 đến 30 phần trăm;
- h) Từ 15 đến 40 phần trăm;
- i) Từ 30 đến 60 phần trăm;
- k) Từ 40 đến 70 phần trăm;
- l) Từ 60 đến 100 phần trăm.